



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 5

Luyện tập chung. Ôn tập số thập phân · sách Kết nối tri thức



Tuần 15

Họ và tên: _____

Lớp: _____



Bài 1: Điền dấu >, <, =

0,475 0,465 66,49 66,48 0,802 0,8019 1,6819 1,682

9,624 9,6240 26,110 26,11 34,05 34,049 1,157 1,147

Bài 2: Viết số đo dưới dạng số thập phân

25,8 m = dm 487 mm = m 2 km 171 m = km

9 tấn 378 kg = tấn 23 tạ 93 kg = tạ 3 yến 2 kg = yến

☒ Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số gồm 4 chục, 5 đơn vị, 8 phần trăm, 6 phần nghìn là:

- (A) 45,0086 (B) 45,086 (C) 45,86 (D) 4,586

2. Làm tròn số 7,849 đến hàng phần trăm được:

- (A) 7,85 (B) 7,9 (C) 7,84 (D) 7,8

Bài 4: Giải bài toán

1. Một tấm kính hình tam giác có độ dài đáy 1,2 m, chiều cao 0,8 m. Tính diện tích tấm kính đó.

2. Bạn An nặng 32,5 kg, bạn Bình nặng 31,75 kg, bạn Cường nặng 32,15 kg. Hãy xếp tên ba bạn theo cân nặng từ nhẹ đến nặng.



ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 5

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 15

Bài 1: Điền dấu >, <, =

$0,475 > 0,465$ $66,49 > 66,48$ $0,802 > 0,8019$ $1,6819 < 1,682$ $9,624 = 9,6240$
 $26,110 = 26,11$ $34,05 > 34,049$ $1,157 > 1,147$

Bài 2: Viết số đo dưới dạng số thập phân

$25,8 \text{ m} = 258 \text{ dm}$ $487 \text{ mm} = 0,487 \text{ m}$ $2 \text{ km } 171 \text{ m} = 2,171 \text{ km}$ $9 \text{ tấn } 378 \text{ kg} = 9,378 \text{ tấn}$
 $23 \text{ tạ } 93 \text{ kg} = 23,93 \text{ tạ}$ $3 \text{ yến } 2 \text{ kg} = 3,2 \text{ yến}$

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. B (45,086) 2. A (7,85)

Bài 4: Giải bài toán

- Diện tích tấm kính là: $1,2 \times 0,8 : 2 = 0,48 \text{ (m}^2\text{)}$. Đáp số: $0,48 \text{ m}^2$.
- So sánh: $31,75 < 32,15 < 32,5$. Thứ tự từ nhẹ đến nặng: Bình, Cường, An. Đáp số: Bình; Cường; An.

on thi.app/phiếu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5